

# Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



Building a better  
working world

# Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 41

# Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật chứng khoán và Luật doanh nghiệp của Việt Nam với tên gọi ban đầu là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội. Công ty được chuyển đổi từ hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần từ ngày 1 tháng 9 năm 2011 theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GP-UBCK ngày 26 tháng 8 năm 2011 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 12 tháng 9 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GPĐC-UBCK chấp thuận cho công ty đổi tên thành Công ty cổ phần chứng khoán SHB.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 150.000.000.000 VNĐ).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 1, 2 và 7 tòa nhà Artexport, số 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Thế Minh	Thành viên	Ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Ngô Thu Hà	Thành viên	Ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Ninh Thị Lan Phương	Thành viên	Ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Hoàng Thị Mai Thảo	Thành viên	Ngày 28 tháng 8 năm 2012

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Đình Dương	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Trịnh Kỳ Sơn	Thành viên	Ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Lê Minh Thuýết	Thành viên	Ngày 28 tháng 8 năm 2012

# Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thế Minh	Tổng Giám đốc	Ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Hoàng Thanh Tuấn	Giám đốc Khối môi giới	Ngày 18 tháng 2 năm 2013
Ông Trần Quý Hải	Giám đốc Khối Tài chính	Ngày 3 tháng 10 năm 2014
Bà Lê Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 9 năm 2012
		Miễn nhiệm ngày 17 tháng 11 năm 2014
Bà Lê Kim Chi	Giám đốc Khối Tài chính	Ngày 1 tháng 9 năm 2012
		Miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2014
Ông Đinh Ngọc Phương	Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư	Ngày 4 tháng 9 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Phương Hoa	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2014
		Ngày 23 tháng 12 năm 2014

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Minh - Chức danh: Tổng Giám đốc.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.



Ông Nguyễn Thế Minh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Số tham chiếu: 60755010/17097143

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông  
Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB (“Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính của Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.



Nguyễn Xuân Đại  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Đặng Phương Hà  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
<b>100</b>	<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>460.371.858.005</b>	<b>546.782.762.492</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>176.470.765.183</b>	<b>121.984.662.140</b>
111	1. Tiền		176.470.765.183	97.989.662.140
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	23.995.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>63.647.080.829</b>	<b>75.692.151.973</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		72.985.115.255	83.144.243.332
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(9.338.034.426)	(7.452.091.359)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>7</b>	<b>188.668.736.992</b>	<b>313.081.167.685</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		3.740.000.000	-
132	2. Trả trước cho người bán		36.598.100	272.771.305
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		212.640.809.345	202.327.216.685
138	4. Các khoản phải thu khác		9.140.401.884	144.355.150.438
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(36.889.072.337)	(33.873.970.743)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>31.585.275.001</b>	<b>36.024.780.694</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		83.435.001	1.927.200
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14	-	114.190.194
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	8	31.501.840.000	35.908.663.300
<b>200</b>	<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>24.791.546.114</b>	<b>23.265.424.253</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>3.525.400.366</b>	<b>6.257.994.497</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.115.208.705	3.713.950.346
222	Nguyên giá		14.706.931.145	15.609.534.191
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.591.722.440)	(11.895.583.845)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.410.191.661	2.544.044.151
228	Nguyên giá		10.018.872.220	10.018.872.220
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.608.680.559)	(7.474.828.069)
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>13.556.034.677</b>	<b>11.618.381.653</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác		15.000.000.000	15.000.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.443.965.323)	(3.381.618.347)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.710.111.071</b>	<b>5.389.048.103</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.193.882.385	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13	6.336.010.684	5.389.048.103
268	4. Tài sản dài hạn khác		180.218.002	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>485.163.404.119</b>	<b>570.048.186.745</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
<b>300</b>	<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>292.940.689.686</b>	<b>388.212.074.139</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>241.940.689.686</b>	<b>388.212.074.139</b>
312	1. Phải trả người bán		1.875.386.073	1.934.253.384
313	2. Người mua trả tiền trước		256.122.000	44.000.000
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.113.479.742	90.598.759
315	4. Phải trả người lao động		-	18.137.609
316	5. Chi phí phải trả		14.849.444.388	-
317	6. Phải trả các bên liên quan	15	100.000.000.000	100.000.000.000
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	115.537.261.812	68.107.860.566
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		8.003.500	8.003.500
322	9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		22.300.000	-
328	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	6.278.692.171	218.009.220.321
<b>310</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>51.000.000.000</b>	<b>-</b>
334	Vay và nợ dài hạn	18	51.000.000.000	-
<b>400</b>	<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>192.222.714.433</b>	<b>181.836.112.606</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>192.222.714.433</b>	<b>181.836.112.606</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
417	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		15.000.000.000	15.000.000.000
418	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		15.000.000.000	15.000.000.000
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.222.714.433	1.836.112.606
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>485.163.404.119</b>	<b>570.048.186.745</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
<b>006</b>	<b>1. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>1.984.460.610.000</b>	<b>1.322.192.380.000</b>
	<i>Trong đó</i>		
<b>007</b>	<b>1.1. Chứng khoán giao dịch</b>	<b>1.618.363.560.000</b>	<b>1.156.427.530.000</b>
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	4.482.940.000	12.405.100.000
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.606.607.080.000	1.135.293.410.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	7.273.540.000	8.729.020.000
<b>012</b>	<b>1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>69.126.630.000</b>	<b>68.871.560.000</b>
014	1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	69.126.630.000	68.871.560.000
<b>015</b>	<b>1.3. Chứng khoán cầm cố</b>	<b>247.804.040.000</b>	<b>53.214.570.000</b>
016	1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	216.258.710.000	21.669.240.000
017	1.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	31.545.330.000	31.545.330.000
<b>019</b>	<b>1.4. Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>43.585.390.000</b>	<b>37.579.220.000</b>
029	1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	43.585.390.000	37.579.220.000
<b>037</b>	<b>1.5. Chứng khoán chờ giao dịch</b>	<b>5.580.990.000</b>	<b>6.099.500.000</b>
038	1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	30.000	452.860.000
039	1.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	5.580.960.000	5.646.640.000


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
<b>050</b>	<b>2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>14.022.810.000</b>	<b>7.244.790.000</b>
<b>051</b>	<b>2.1. Chứng khoán giao dịch</b>	<b>14.022.810.000</b>	<b>7.210.790.000</b>
052	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	3.045.940.000	3.045.940.000
053	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	10.976.870.000	4.164.850.000
<b>071</b>	<b>2.2. Chứng khoán chờ thanh toán</b>	-	<b>34.000.000</b>
073	2.2.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	34.000.000
<b>082</b>	<b>3. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng</b>	<b>7.720.000</b>	<b>5.163.210.000</b>
<b>083</b>	<b>4. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán</b>	<b>33.021.440.000</b>	<b>32.740.010.000</b>

Người lập:



Bà Phùng Thị Minh Thu  
 Kế toán Tổng hợp

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Phương Hoa  
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Nguyễn Thế Minh  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu</b>		<b>79.996.553.578</b>	<b>58.871.321.869</b>
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		25.660.340.610	7.327.341.999
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		16.219.216.113	6.767.964.218
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		17.103.592.273	230.181.819
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		769.571.843	647.609.536
01.9	Doanh thu khác	20	20.243.832.739	43.898.224.297
<b>02</b>	<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		<b>-</b>	<b>(227.272.727)</b>
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>		<b>79.996.553.578</b>	<b>58.644.049.142</b>
<b>11</b>	<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>21</b>	<b>(48.429.940.592)</b>	<b>(39.554.768.611)</b>
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>31.566.612.986</b>	<b>19.089.280.531</b>
<b>25</b>	<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>22</b>	<b>(21.058.154.939)</b>	<b>(17.253.187.925)</b>
<b>30</b>	<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>10.508.458.047</b>	<b>1.836.092.606</b>
31	8. Thu nhập khác		1.436.110.682	20.000
32	9. Chi phí khác		-	-
<b>40</b>	<b>10. Lợi nhuận khác</b>		<b>1.436.110.682</b>	<b>20.000</b>
<b>50</b>	<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>11.944.568.729</b>	<b>1.836.112.606</b>
<b>51</b>	<b>12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>14</b>	<b>(1.557.966.902)</b>	<b>-</b>
<b>60</b>	<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>10.386.601.827</b>	<b>1.836.112.606</b>
<b>70</b>	<b>16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>23</b>	<b>692</b>	<b>122</b>

Người lập:



Bà Phùng Thị Minh Thu  
Kế toán Tổng hợp

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Phương Hoa  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Thế Minh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.944.568.729	1.836.112.606
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao TSCĐ	9,10	2.732.594.131	3.088.676.337
03	Các khoản dự phòng		2.963.391.637	6.613.704.183
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(23.533.753.201)	(43.898.224.297)
06	Chi phí lãi vay và chi phí lãi tiền gửi trả cho nhà đầu tư		24.274.589.564	13.786.883.856
08	3. Lãi/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.381.390.860	(18.572.847.315)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		125.918.342.593	(162.391.467.920)
10	Giảm đầu tư ngắn hạn		10.159.128.077	1.677.748.062
11	Tăng/(giảm)các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(160.538.709.880)	246.161.710.761
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(1.275.390.186)	390.794.563
13	Lãi tiền gửi đã trả cho nhà đầu tư		(13.030.145.120)	(13.786.883.856)
14	Thuế TNDN đã nộp	14	(504.405.909)	-
15	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		2.400.106.309	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.557.966.902)	(37.242.021.096)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(20.047.650.158)	16.237.033.199
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	9,10	-	(301.603.015)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		71.818.182	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay, cổ tức	17	23.461.935.019	43.898.224.297
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		23.533.753.201	43.596.621.282
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		51.000.000.000	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		51.000.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		54.486.103.043	59.833.654.481
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		121.984.662.140	62.151.007.659
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	176.470.765.183	121.984.662.140

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:






Bà Phùng Thị Minh Thu  
Kế toán Tổng hợp

Bà Nguyễn Thị Phương Hoa  
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Thế Minh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

# Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB

B05-CTCK

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)						Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2013	Ngày 1 tháng 1 năm 2014	Năm 2013		Năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000		
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000		
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000		
4. Lợi nhuận chưa phân phối		847.085.039	1.836.112.606	1.836.112.606	(847.085.039)	10.386.601.827	-	1.836.112.606	12.222.714.433		
<b>Cộng</b>	<b>18</b>	<b>180.847.085.039</b>	<b>181.836.112.606</b>	<b>1.836.112.606</b>	<b>(847.085.039)</b>	<b>10.386.601.827</b>	<b>-</b>	<b>181.836.112.606</b>	<b>192.222.714.433</b>		

Người lập:



Bà Phùng Thị Minh Thu  
Kế toán Tổng hợp

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Phương Hoa  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Thế Minh  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật chứng khoán và Luật doanh nghiệp của Việt Nam với tên gọi ban đầu là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội. Công ty được chuyển đổi từ hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần từ ngày 1 tháng 9 năm 2011 theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GP-UBCK ngày 26 tháng 8 năm 2011 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 12 tháng 9 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GPĐC-UBCK chấp thuận cho công ty đổi tên thành Công ty cổ phần chứng khoán SHB.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 150.000.000.000 VNĐ).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 1, 2 và 7 tòa nhà Artexport, số 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số lượng nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 79 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 60 người)

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty khẳng định báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010, và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng** (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VNĐ).

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

Ngày 6 tháng 10 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 146"). Thông tư này thay thế Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn. Thông tư 146 có hiệu lực từ ngày 21 tháng 11 năm 2014 và được áp dụng kể từ năm tài chính 2014.

Thông tư 146 bổ sung quy định về việc xác định giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Cụ thể như sau:

- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và chứng khoán đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch UpCom, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vô hình vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm máy tính	1 – 3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

**3.7 Thuê tài sản**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.8 Các khoản đầu tư**

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

**3.8.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, và có dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ chênh lệch giá. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Đối với chứng khoán nợ, lãi nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn đối với phần lãi phát sinh kể từ ngày mua.

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

**3.8.2 Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Dự phòng giảm giá đầu tư**

**3.9.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho các chứng khoán không có đủ ba (03) báo giá hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

**3.9.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn khác được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế tại thời điểm trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty không thực hiện dự thu thêm và chỉ ghi nhận khoản lãi nhận thêm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực nhận.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Lợi ích của nhân viên

##### 3.12.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội, Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 26% lương cấp bậc hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

##### 3.12.2 Trợ cấp thôi việc

*Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc.

##### 3.12.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp và Quy chế tiền lương của Công ty, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 2% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp để đóng vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

##### 3.12.4 Các lợi ích nhân viên khác

Theo quy chế tiền lương, công ty thực hiện trả lương thuần cho nhân viên. Do vậy công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm y tế bằng 4,5% lương cấp bậc hàng tháng và thuế thu nhập cá nhân cho nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm nếu không còn lỗ lũy kế để trích lập các quỹ như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn*

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm cổ tức bằng tiền và thu nhập từ kinh doanh chứng khoán.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân gia quyền của chứng khoán thương mại tự doanh.

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

*Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán*

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

**3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện doanh nghiệp hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.17 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền ký quỹ để giao dịch chứng khoán. Các khoản tiền này được gửi tại ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị: VNĐ</i>	
	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</u>
<b>Tiền</b>	<b>176.470.765.183</b>	<b>97.989.662.140</b>
<b>Tiền mặt</b>	<b>51.165.100</b>	<b>277.404.900</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>176.419.600.083</b>	<b>95.599.699.240</b>
Tiền gửi của Công ty	60.882.338.271	27.488.083.026
Tiền gửi của nhà đầu tư (Thuyết minh 16)	115.537.261.812	68.111.616.214
<b>Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán</b>	<b>-</b>	<b>2.112.558.000</b>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>23.995.000.000</b>
Tiền gửi có thời hạn dưới 3 tháng của Công ty	-	23.995.000.000
	<b><u>176.470.765.183</u></b>	<b><u>121.984.662.140</u></b>

Các khoản tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty và được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

Giá trị, khối lượng giao dịch thực hiện trong năm như sau:

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (Cổ phiếu)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ)</i>
<b>1. Của Công ty</b>	<b>21.927.736</b>	<b>627.205.812.400</b>
Cổ phiếu	21.927.736	627.205.812.400
<b>2. Của nhà đầu tư</b>	<b>974.114.062</b>	<b>12.361.408.730.700</b>
Cổ phiếu	974.106.942	12.361.341.877.700
Chứng khoán khác	7.120	66.853.000
	<b>996.041.798</b>	<b>12.988.614.543.100</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Đơn vị: VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Chứng khoán thương mại	27.655.720.255	27.814.848.332
Đầu tư ngắn hạn khác	45.329.395.000	55.329.395.000
	72.985.115.255	83.144.243.332
Dự phòng giảm giá Chứng khoán thương mại	(9.338.034.426)	(7.452.091.359)
	<b>63.647.080.829</b>	<b>75.692.151.973</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**6.1 Chứng khoán thương mại**

Chi tiết tình hình đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán thương mại của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<i>Đơn vị: VNĐ</i>					
<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Tăng giá so với thị trường</i>	<i>Giảm so với giá thị trường</i>	<i>Tổng theo giá trị thị trường</i>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>					
FPT	180.207	9.311.855.202	-	(661.919.202)	8.649.936.000
HCM	160.001	5.446.351.510	-	(454.320.310)	4.992.031.200
SSI	100.000	3.087.333.500	-	(337.333.500)	2.750.000.000
Cổ phiếu khác	2.843	62.598.388	8.568.511	(18.437.699)	52.729.200
	<b>443.051</b>	<b>17.908.138.600</b>	<b>8.568.511</b>	<b>(1.472.010.711)</b>	<b>16.444.696.400</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM</b>					
HIG	304.187	5.426.705.000	-	(4.027.444.800)	1.399.260.200
Cổ phiếu khác	592	14.525.136	-	(12.366.836)	2.158.300
	<b>304.779</b>	<b>5.441.230.136</b>	<b>-</b>	<b>(4.039.811.636)</b>	<b>1.401.418.500</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>					
HNK	40.000	2.670.000.000	-	(2.426.000.000)	244.000.000
MSB	33.060	1.007.860.000	-	(826.030.000)	181.830.000
SABECO	800	53.200.000	-	(400.000)	52.800.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	28.335	575.291.519	427.150	(573.782.079)	1.936.590
	<b>102.195</b>	<b>4.306.351.519</b>	<b>427.150</b>	<b>(3.826.212.079)</b>	<b>480.566.590</b>
<b>Tổng</b>	<b>850.025</b>	<b>27.655.720.255</b>	<b>8.995.661</b>	<b>(9.338.034.426)</b>	<b>18.326.681.490</b>

Chi tiết tình hình đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán thương mại của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

<i>Đơn vị: VNĐ</i>					
<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Tăng giá so với thị trường</i>	<i>Giảm so với giá thị trường</i>	<i>Tổng theo giá trị thị trường</i>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>					
HCM	150.001	3.478.022.116	197.002.384	-	3.675.024.500
REE	50.005	1.460.140.731	20.007.269	-	1.480.148.000
FDG	28.000	570.000.000	-	(458.000.000)	112.000.000
Cổ phiếu khác	7.502	135.565.674	13.385.774	(57.643.448)	91.308.000
	<b>235.508</b>	<b>5.643.728.521</b>	<b>230.395.427</b>	<b>(515.643.448)</b>	<b>5.358.480.500</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM</b>					
HIG	304.187	5.426.705.000	-	(3.692.839.100)	1.733.865.900
Cổ phiếu khác	407	10.823.386	-	(9.102.686)	1.720.700
	<b>304.594</b>	<b>5.437.528.386</b>	<b>-</b>	<b>(3.701.941.786)</b>	<b>1.735.586.600</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>					
BIDV	1.045.278	13.000.000.000	1.111.253.000	-	14.111.253.000
HNK	40.000	2.670.000.000	-	(2.426.000.000)	244.000.000
MSB	33.060	1.007.860.000	-	(802.888.000)	204.972.000
Cổ phiếu khác	941	55.731.425	-	(5.618.125)	50.113.300
	<b>1.119.279</b>	<b>16.733.591.425</b>	<b>1.111.253.000</b>	<b>(3.234.506.125)</b>	<b>14.610.338.300</b>
<b>Tổng</b>	<b>1.659.381</b>	<b>27.814.848.332</b>	<b>1.341.648.427</b>	<b>(7.452.091.359)</b>	<b>21.704.405.400</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**6.2 Đầu tư ngắn hạn khác**

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn khác như sau:

	<i>Đơn vị: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
<b>Hợp đồng mua và bán lại chứng khoán chưa niêm yết</b>		
Cổ phiếu của Công ty CP CN Sinh học Dược phẩm ICA (*)	30.600.000.000	30.600.000.000
<b>Hợp đồng hợp tác kinh doanh (**)</b>		
Bà Lê Thị Thu Hiền	14.729.395.000	24.729.395.000
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>45.329.395.000</b>	<b>55.329.395.000</b>
<b>Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn khác</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>45.329.395.000</b>	<b>55.329.395.000</b>

(\*) Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng mua và bán lại chứng khoán chưa niêm yết phát sinh từ các năm trước (bao gồm 1.700.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần CN Sinh học Dược phẩm ICA), Công ty đã đứng tên sở hữu các cổ phiếu này. Thời hạn thanh toán hợp đồng được gia hạn đến ngày 5 tháng 1 năm 2015.

(\*\*) Công ty hiện đang còn hợp đồng hợp tác kinh doanh với Bà Lê Thị Thu Hiền, nguyên phó tổng giám đốc Công ty, việc phân chia lợi nhuận/(lỗ) từ các hợp đồng này sẽ được thực hiện theo các văn bản thỏa thuận cho từng kỳ và theo biên bản thanh lý hợp đồng.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn
1. Phải thu của khách hàng	3.740.000.000	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	36.598.100	-	272.771.305	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	212.640.809.345	52.698.674.767	202.327.216.685	53.088.554.655
Phải thu phí môi giới chứng khoán	101.794.815	-	32.539.860	-
Phải thu khách hàng về nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	28.507.038.722	-	8.374.604.641	-
Phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ	3.478.094.606	-	11.322.005.461	-
Phải thu nhóm khách hàng KTB, KSS	166.010.875.029	38.155.668.594	168.055.060.550	38.545.548.482
Phải thu khách hàng về giao dịch khác	14.543.006.173	14.543.006.173	14.543.006.173	14.543.006.173
4. Các khoản phải thu khác	9.140.401.884	-	144.355.150.438	-
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	1.982	-
Phải thu nội bộ	-	-	11.657.841	-
Đặt cọc hợp đồng kinh doanh với đối tác	-	-	135.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	9.140.401.884	-	9.343.490.615	-
	<b>225.557.809.329</b>	<b>52.698.674.767</b>	<b>346.955.138.428</b>	<b>53.088.554.655</b>
				<b>(33.873.970.743)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Tài sản ngắn hạn khác bao gồm các khoản tạm ứng cho nhân viên cho hoạt động đầu tư chứng khoán và nghiệp vụ khác.

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	<i>Đơn vị: VNĐ</i>			
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	14.969.144.917	517.266.274	123.123.000	15.609.534.191
Thanh lý	(869.955.046)	-	(32.648.000)	(902.603.046)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	14.099.189.871	517.266.274	90.475.000	14.706.931.145
<b>Giá trị hao mòn:</b>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	11.301.010.094	517.266.274	77.307.477	11.895.583.845
Khấu hao trong năm	1.576.598.641	-	22.143.000	1.598.741.641
Thanh lý	(869.955.046)	-	(32.648.000)	(902.603.046)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	12.007.653.689	517.266.274	66.802.477	12.591.722.440
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	3.668.134.823	-	45.815.523	3.713.950.346
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.091.536.182	-	23.672.523	2.115.208.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	<i>Đơn vị: VNĐ</i>		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	9.579.576.220	439.296.000	10.018.872.220
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	9.579.576.220	439.296.000	10.018.872.220
<b>Giá trị hao mòn:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.035.532.069	439.296.000	7.474.828.069
Hao mòn trong năm	1.133.852.490	-	1.133.852.490
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8.169.384.559	439.296.000	8.608.680.559
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	2.544.044.151	-	2.544.044.151
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.410.191.661	-	1.410.191.661

**11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Chi tiết đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng vốn đầu tư của đơn vị nhận đầu tư VNĐ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu của Công ty %</i>	<i>Số vốn thực góp VNĐ</i>
Công ty CP Đầu tư & Du lịch Cam Lập	85.500.000.000	17,54%	15.000.000.000
Dự phòng cho các khoản đầu tư			(1.443.965.323)
			<b>13.556.034.677</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí và công cụ dụng cụ chờ phân bổ trong thời gian 2 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Tiền lãi của các khoản ký quỹ quỹ hỗ trợ thanh toán được Công ty ghi nhận khi nhận được thông báo trả lãi của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Biến động tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<i>Đơn vị: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Tiền nộp đầu kỳ	5.389.048.103	4.871.147.464
Tiền lãi được phân bổ trong kỳ	946.962.581	517.900.639
	<b>6.336.010.684</b>	<b>5.389.048.103</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỢ/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Thuế giá trị gia tăng	1.422.527.524	(4.274.161)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	943.644.960	(109.916.033)
Thuế thu nhập cá nhân	747.307.258	90.598.759
	<b>3.113.479.742</b>	<b>(23.591.435)</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Công ty được phép kế thừa các nghĩa vụ thuế từ khi chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 2 năm 2006 và 2007 tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2006 và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo là các năm 2008, 2009 và 2010. Vì năm 2010 là năm thứ 5 Công ty đi vào hoạt động và tiếp tục kinh doanh có lãi nên mức thuế suất áp dụng cho năm 2010 là 10%. Cho các năm 2011, 2012, 2013 và 2014, Công ty áp dụng mức thuế suất 20% theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC** (tiếp theo)

*Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành* (tiếp theo)

	<i>Đơn vị: VNĐ</i>	
	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2013</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>11.944.568.729</b>	<b>1.836.112.606</b>
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	-
Cổ tức bằng tiền và cổ tức bằng cổ phiếu đã bán	(3.823.612.645)	(1.728.567.390)
Lỗi năm trước chuyển sang	(331.121.573)	(107.545.216)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>7.789.834.511</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm (20%)</b>	<b>1.557.966.902</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp đầu kỳ</b>	<b>(109.916.033)</b>	<b>(109.916.033)</b>
Thuế thu nhập đã nộp trong kỳ	(504.405.909)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp/(tạm ứng) cuối kỳ</b>	<b>943.644.960</b>	<b>(109.916.033)</b>

**15. PHẢI TRẢ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	<i>Đơn vị: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Lợi nhuận để lại phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	76.566.267.252	76.566.267.252
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	23.433.732.748	23.433.732.748
	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

Lợi nhuận để lại phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội bao gồm lợi nhuận để lại của Công ty trước khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của các năm 2006, 2007, 2008, 2009 và 2010.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội bao gồm các khoản thuế TNDN của Công ty trước khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của các năm 2008, 2009 và 2010 do trước khi chuyển đổi sang hình thức sở hữu công ty cổ phần, thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty do Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, đơn vị đã sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội năm 2012, nộp hộ.

Theo thỏa thuận giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Công ty phải hoàn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội các khoản mục này trước thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014. Do Công ty chưa hoàn trả các khoản mục này đúng thời hạn, Công ty đang tính dự chi và ghi nhận các khoản lãi phạt liên quan đến các khoản mục này trên báo cáo tài chính kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Tài khoản chủ yếu bao gồm tiền gửi giao dịch chứng khoán của các nhà đầu tư với số dư là 115.537.261.812 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 69.107.860.566 đồng).

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	182.268.750.000
Tiền mua chứng khoán chờ thanh toán bù trừ	-	25.285.130.000
Phải trả từ các hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán với cá nhân	-	9.336.650.013
Kinh phí công đoàn	167.756.968	213.753.076
Bảo hiểm xã hội	-	64.229.590
Bảo hiểm y tế	-	15.657.274
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.675.106
Phải trả đặt cọc đấu giá chứng khoán	5.769.410.000	-
Phải trả, phải nộp khác	341.525.203	822.375.262
	<b>6.278.692.171</b>	<b>218.009.220.321</b>

**18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Vay và nợ dài hạn bao gồm các trái phiếu phát hành riêng lẻ có tổng mệnh giá 51.000.000.000 VNĐ, kỳ hạn 2 năm, lãi suất 10%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty như sau:

		<i>Đơn vị: VNĐ</i>	
		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
	<i>Vốn CP thường</i>	<i>Tỷ lệ</i>	
Vốn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	147.710.070.000	98%	
Vốn của các cổ đông cá nhân khác	2.289.930.000	2%	
	<b>150.000.000.000</b>	<b>100%</b>	

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Trong năm 2014, Công ty không trích thêm Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính do số dư các quỹ trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã đạt mức tối đa 10% vốn điều lệ.

**20. DOANH THU KHÁC**

		<i>Đơn vị: VNĐ</i>	
	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2013</i>	
Doanh thu lãi tiền gửi	5.297.336.531	1.370.715.988	
Doanh thu từ giao dịch liên quan đến chứng khoán chưa niêm yết	253.500.000	6.149.322.252	
Doanh thu từ hợp đồng hỗ trợ giao dịch	3.435.714.969	15.184.749.398	
Doanh thu từ các hợp đồng đặt cọc tìm kiếm cơ hội đầu tư, hợp tác kinh doanh	11.158.249.238	21.193.436.659	
Doanh thu khác	99.032.001	-	
	<b>20.243.832.739</b>	<b>43.898.224.297</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Đơn vị: VNĐ	
	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí môi giới chứng khoán	3.865.356.555	1.060.389.215
Chi phí đầu tư chứng khoán, góp vốn	7.186.442.155	6.236.965.490
Chi phí hoạt động tư vấn	1.163.636.363	-
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	1.001.420.034	689.424.581
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư	(51.709.957)	8.050.750.555
Chi phí khác	35.264.795.442	23.517.238.770
- Chi phí nhân viên trực tiếp	6.089.543.522	4.211.413.160
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.557.944.922	2.706.499.112
- Chi phí vốn kinh doanh (bao gồm lãi tiền gửi trả cho nhà đầu tư)	24.274.589.564	14.164.865.042
- Chi phí khác	2.342.717.434	2.434.461.456
	<b>48.429.940.592</b>	<b>39.554.768.611</b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Đơn vị: VNĐ	
	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nhân viên quản lý	10.606.450.831	10.144.228.156
Chi phí vật liệu quản lý	45.670.337	27.131.230
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	224.597.361	279.436.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	174.649.209	382.177.225
Thuế, phí và lệ phí	529.017.390	1.358.432.314
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả	3.015.101.594	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.302.839.120	4.361.477.272
Chi phí khác bằng tiền	1.159.829.097	700.305.485
	<b>21.058.154.939</b>	<b>17.253.187.925</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên mỗi cổ phiếu:

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VNĐ	10.386.601.827	1.836.112.606
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
<b>Lãi trên mỗi cổ phiếu</b>	<b>692</b>	<b>122</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Nguyễn Văn Lê Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty mẹ

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị: VNĐ</i> <i>Giá trị</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Nhận lãi tiền gửi	1.064.153.211
	Phí dịch vụ	213.683.938
	Chi phí lãi	(23.701.334.502)

Số dư của các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Khoản phải thu</i>	<i>Khoản phải trả</i>	<i>Đơn vị: VNĐ</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Số dư tiền gửi tại tài khoản vãng lai	38.294.314.314	-	
	Phải thu tạm ứng cổ tức 2014	1.808.082.039		
	Phải trả lợi nhuận để lại	-	76.566.267.252	
	Phải trả thuế TNDN	-	23.433.732.748	
	Lãi phải trả cho phần lợi nhuận để lại và phải trả thuế TNDN	-	11.244.444.444	
	Phải trả về chi phí hoạt động	-	1.149.797.462	
	Lãi phải trả cho các hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	-	2.875.065.244	

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty trong năm như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2013</i>
Lương và phụ cấp của Ban Tổng giám đốc	2.744.438.832	2.718.343.557
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.934.940.040	1.781.600.000
	<b>4.679.378.872</b>	<b>4.499.943.557</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro này như sau.

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro ngoại tệ***

Công ty không có rủi ro về thay đổi ngoại tệ do Công ty không có hoạt động liên quan đến ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

***Rủi ro về giá cổ phần***

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 16.444.696.400 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 5.358.480.500 đồng). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng (1.644.469.640) đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Công ty sẽ tăng lên khoảng 1.644.469.640 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng, các công cụ tài chính khác và các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng.

Tình trạng quá hạn của các khoản phải thu của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Không quá hạn và không bị suy giảm	172.859.134.562	293.866.583.773
Quá hạn nhưng không bị suy giảm	-	-
Quá hạn và bị suy giảm	52.698.674.767	53.088.554.655
- Từ 91 đến 180 ngày	-	-
- Từ 181 đến 210 ngày	-	-
- Trên 210 ngày	52.698.674.767	53.088.554.655
	<b>225.557.809.329</b>	<b>346.955.138.428</b>

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản tiền gửi ngân hàng trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị: VNĐ				
	Đến 3 tháng	Từ 3-12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Không xác định kỳ hạn	Tổng cộng
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>					
Phải trả người bán	1.875.386.073	-	-	-	1.875.386.073
Người mua trả tiền trước	256.122.000	-	-	-	256.122.000
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	3.113.479.742	-	-	-	3.113.479.742
Phải trả bên liên quan	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	115.537.261.812	115.537.261.812
Phải trả, phải nộp khác	21.150.436.559	-	-	8.003.500	21.158.440.059
Vay nợ dài hạn	-	-	51.000.000.000	-	51.000.000.000
	<b>26.395.424.374</b>	<b>-</b>	<b>51.000.000.000</b>	<b>215.545.265.312</b>	<b>292.940.689.686</b>

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung cho các khoản nợ và kết luận rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

### Tài sản đảm bảo

Công ty đang nắm giữ tài sản đảm bảo dưới dạng chứng khoán cho các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Giá thị trường của tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 14.753.855.000 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

**Tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu và các tài sản khác.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
  - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)**

**Tài sản tài chính (tiếp theo)**

***Các khoản cho vay và phải thu***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

***Tài sản sẵn sàng để bán:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản nợ và các khoản phải.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

***Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
  - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.



## Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 24. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính này như sau:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị: VNĐ
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
<b>Tài sản tài chính</b>					
<b>Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý</b>					
<b>thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	72.985.115.255	83.144.243.332	63.647.080.829	75.692.151.973	
- Cổ phiếu niêm yết	17.908.138.600	5.643.728.521	16.444.696.400	5.128.085.073	
- Cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM	5.441.230.136	5.437.528.386	1.401.418.500	1.735.586.600	
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	4.306.351.519	16.733.591.425	480.139.440	13.499.085.300	
- Đầu tư ngắn hạn khác (*)	45.329.395.000	55.329.395.000	45.329.395.000	55.329.395.000	
Tiền và các khoản tương đương tiền	176.470.765.183	121.984.662.140	176.470.765.183	121.984.662.140	
Tiền hỗ trợ thanh toán	6.336.010.684	5.389.048.103	6.336.010.684	5.389.048.103	
Các khoản phải thu	225.557.809.329	346.955.138.428	188.668.736.992	313.081.167.685	
- Phải thu khách hàng khác (*)	3.740.000.000	-	3.740.000.000	-	
- Trả trước cho người bán (*)	36.598.100	272.771.305	36.598.100	272.771.305	
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán (*)	212.640.809.345	202.327.216.685	175.751.737.008	168.453.245.942	
- Phải thu khác (*)	9.140.401.884	144.355.150.438	9.140.401.884	144.355.150.438	
Tài sản ngắn hạn khác (*)	31.501.840.000	35.908.663.300	31.501.840.000	35.908.663.300	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (*)	15.000.000.000	15.000.000.000	13.556.034.677	11.618.381.653	
<b>Tổng cộng</b>	<b>527.851.540.451</b>	<b>608.381.755.303</b>	<b>480.180.468.365</b>	<b>563.674.074.854</b>	

(\*) Do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, giá trị hợp lý được thể hiện bằng giá gốc trừ dự phòng.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 24. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công nợ tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính này như sau:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị: VNĐ
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
<b>Nợ phải trả tài chính (*)</b>					
Phải trả người bán	1.875.386.073	1.934.253.384	1.875.386.073	1.934.253.384	
Phải trả người lao động	-	18.137.609	-	18.137.609	
Chi phí phải trả	14.849.444.388	-	14.849.444.388	-	
Phải trả các bên liên quan	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	115.537.261.812	68.107.860.566	115.537.261.812	68.107.860.566	
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	8.003.500	8.003.500	8.003.500	8.003.500	
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	22.300.000	-	22.300.000	-	
Các khoản phải trả, phải nộp ngân hàng khác	6.278.692.171	218.009.220.321	6.278.692.171	218.009.220.321	
Vay và nợ dài hạn	51.000.000.000	-	51.000.000.000	-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>289.571.087.944</b>	<b>388.077.475.380</b>	<b>289.571.087.944</b>	<b>388.077.475.380</b>	

(\*) Do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, giá trị hợp lý được thể hiện bằng giá gốc trừ dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Người lập:



Bà Phùng Thị Minh Thu  
Kế toán Tổng hợp

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Phương Hoa  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Nguyễn Thế Minh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

